

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HC-PT
Ngày 25 - 4 - 2024
V/v khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Nguyễn Văn Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2024/TLPT-HC ngày 30 tháng 01 năm 2024 về khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Hồ D và bà Hồ Thị T; đồng cư trú tại: Số A đường Q, khu phố D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. **Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Ngọc C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (Văn bản ủy quyền ngày 03/11/2023) (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức Á và bà Huỳnh Thị H; đồng cư trú tại: Số A đường Q, khu phố D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Hồ D và bà Hồ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Hồ D và bà Hồ Thị Truyền thống nhất trình bày:

Thửa đất số 05, khoảnh 05 thuộc tiểu khu A, diện tích 0,66ha tọa lạc tại thị trấn P, huyện P (viết tắt là thửa đất số 05) có nguồn gốc trước đây là đất hoang do ông bà cùng một số hộ dân khác như Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn N, Nguyễn T1, Nguyễn Đình N1, Nguyễn Tiến T2 san ủi vào cuối năm 1993. Sau khi san ủi xong, Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn P chia cho mỗi người 01 lô đất và ông bà được chia thửa đất trên. Ngày 14/9/1994, Ủy ban nhân dân huyện P (viết tắt là UBND huyện P) có Quyết định số 410/QĐ-UB (viết tắt là Quyết định số 410) về việc giao thửa đất số 05 cho ông D để trồng rừng theo Dự án PAM-4304, thời hạn 50 năm. Sau khi được chia giao đất vào năm 1993, ông bà cho vợ chồng ông Nguyễn Đức Á và bà Huỳnh Thị H trồng xen 07 hàng bạch đàn (khoảng 14m chiều ngang). Năm 1999, sau khi khai thác xong bạch đàn, ông Á và bà H tự thuê máy về đào gốc bạch đàn, cải tạo đất và tiếp tục canh tác, sử dụng cho đến năm 2006 thì xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất với ông bà. Vợ chồng ông Á đã làm đơn khởi kiện gửi đến Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P (viết tắt là UBND thị trấn P) và Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ yêu cầu ông bà trả cho vợ chồng ông Á $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất trên. Ngày 22/3/2011, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ đã xét xử sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Á. Sau khi xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Á có đơn kháng cáo và tại cấp phúc thẩm, vợ chồng ông Á rút đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã ra quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án trên.

Sau đó, vợ chồng ông Á tiếp tục làm đơn gửi UBND huyện P khiếu nại về việc UBND huyện P giao đất cho vợ chồng ông bà theo Quyết định số 410 và yêu cầu giao lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất. Ngày 09/10/2012, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6961/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 6961) chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Á, phân chia thửa đất trên thành 02 phần. Ngày 17/10/2012, UBND huyện P có Văn bản số 876/UBND-VP (viết tắt là Văn bản số 876) về việc trả lời đơn phản ánh của ông D. Ngày 24/11/2014, UBND huyện P ban hành Quyết định số 10103/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 10103) về việc thu hồi Quyết định số 410.

Quyết định số 6961, Văn bản số 876 và Quyết định số 10103 đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà. Do đó, ông bà yêu cầu Tòa án huỷ các quyết định hành chính trên.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Hồ Ngọc C – Phó Chủ tịch UBND huyện P trình bày:

Ngày 05/7/2011, Chủ tịch UBND huyện P nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức Á, khiếu nại UBND huyện P cấp đất trồng rừng theo Dự án PAM trùng lên diện tích đất rừng của ông tại thửa đất số 05.

Kết quả xác minh đối với đơn khiếu nại của ông Á như sau: Thửa đất số 05 có nguồn gốc của chế độ cũ để lại. Vào năm 1993, ông Nguyễn Tiến D2 ở thôn D, thị trấn P có thuê máy ủi của các ông Võ Thân L ở thôn D, thị trấn P san ủi khu vực sân bay D để trồng bạch đàn. Sau khi san ủi xong, ông D2 phân lô chia cho những hộ ở thôn D trồng cây như: N, Nguyễn Đình N1. Riêng hộ ông D và hộ ông Á nhận chung 01 lô đất có diện tích 0,66ha để trồng rừng có giới cận: Bắc giáp đất ông T1, Nam giáp đất ông N1, Đông giáp đất trống (đất sân bay), Tây giáp ruộng; ông D2 thu tiền san ủi mặt bằng mỗi hộ 200.000 đồng. Cuối năm 1993, ông D2 nhận cây của Dự án PAM phân chia cho những hộ nhận đất để trồng cây, trong đó vợ chồng ông Á và vợ chồng ông D. Từ năm 1993-1999, hộ ông D và hộ ông Á cùng trồng chung bạch đàn, cùng khai thác bán chia lợi nhuận $\frac{1}{2}$ số tiền. Từ năm 1999-2006, hộ ông D và hộ ông Á thống nhất chia lô đất trên thành 02 phần bằng nhau, mỗi người một phần tự sản xuất, chăm sóc, bán hưởng lợi riêng; phần ông Á ở phía Nam, phần ông D ở phía Bắc. Năm 1993, vợ chồng ông D và vợ chồng ông Á có đến Hợp tác xã kê khai xin được trồng rừng PAM trên diện tích 0,66ha do ông D2 chia, Hợp tác xã biết ông D với vợ chồng ông Á có quan hệ bà con nên để cho một mình ông D đứng tên. Tháng 9/1994, ông D đại diện đi kê khai đất theo Dự án PAM-4304 và UBND huyện P đã giao thửa đất trên cho ông D theo Quyết định số 410. Năm 2007, khi trồng lại cây thì hai bên phát sinh tranh chấp do UBND huyện P có quyết định thu hồi, bồi thường đối với một phần diện tích của thửa đất số 05 để mở rộng Cụm C.

Nhận thấy Quyết định số 410 về việc giao thửa đất số 05 cho ông D đã bao trùm lên diện tích đất của vợ chồng ông Á nên Chủ tịch UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 6961, chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Á. Ngày 26/3/2012, UBND huyện P nhận được đơn phản ánh của ông D. Ngày 17/10/2012, UBND huyện P ban hành Văn bản số 876 trả lời đơn của ông D. Ngày 24/11/2014, UBND huyện P tiếp tục ban hành Quyết định số 10103 về việc thu hồi Quyết định số 410.

Quyết định số 6961, Văn bản số 876 và Quyết định số 10103 được ban hành đúng quy định. Do đó, UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D yêu cầu hủy các quyết định hành chính trên. Ngoài ra, UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Đức Á và bà Huỳnh Thị H thống nhất trình bày:

Ông bà thống nhất như nội dung trình bày của ông Hồ Ngọc C – Phó Chủ tịch UBND huyện P về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và phân chia thửa đất số 05.

Năm 1999, ông bà và vợ chồng ông D đã thoả thuận phân chia mỗi bên sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất trên, ông bà sử dụng phần đất phía Nam (giáp đất ông Nguyễn Đình N1) và vợ chồng ông D sử dụng phần đất phía Bắc (giáp đất ông Nguyễn T1). Vào cuối năm 2006, ông bà trông keo thì vợ chồng ông D ngăn cản, hai bên xảy ra tranh chấp. Ngày 08/7/2009, UBND huyện P có Quyết định số 3820/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 3820) về việc thu hồi 940m² đất tại thửa đất số 05 để mở rộng Cụm C và vợ chồng ông D đã nhận tiền bồi thường. Khi xảy ra tranh chấp, ông bà mới biết được ông D đã tự kê khai đất và UBND huyện P đã giao thửa đất trên cho ông D theo Quyết định số 410, trong đó bao trùm lên diện tích đất ông bà sử dụng nên ông bà đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P.

Tại Quyết định số 6961, Chủ tịch UBND huyện P chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông bà. Ngày 24/11/2014, UBND huyện P ban hành Quyết định số 10103 về việc thu hồi Quyết định số 410.

Quyết định số 6961, Văn bản số 876 và Quyết định số 10103 được ban hành đúng quy định. Do đó, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D về việc yêu cầu Tòa án huỷ các quyết định hành chính trên. Đối với phần diện tích đất UBND huyện P đã thu hồi để mở rộng Cụm C, hộ ông D đã nhận tiền bồi thường xong; ông bà không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với việc bồi thường trên. Ngoài ra, ông bà không có yêu cầu độc lập nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 27/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ đã quyết định: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ D về việc huỷ Văn bản số 876; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ D và bà Hồ Thị T về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 6961 và Quyết định số 10103. Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 05/01/2024, ông D và bà T có đơn kháng cáo gửi qua đường bưu điện về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà, huỷ Quyết định số 6961 và Quyết định số 10103.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D và bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật và đề

ngợi Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông D và bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Trong quá trình canh tác tại thửa đất số 05, vợ chồng ông Hồ D, bà Hồ Thị T với vợ chồng Nguyễn Đức Á, bà Huỳnh Thị H đã phát sinh tranh chấp thửa đất trên.

Theo vợ chồng ông D trình bày thì thửa đất trên có nguồn gốc trước đây là đất hoang do ông bà cùng một số hộ dân khác như Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn N, Nguyễn T1, Nguyễn Đình N1, Nguyễn Tiến T2 san ủi vào cuối năm 1993. Sau khi san ủi xong, Hợp tác xã nông nghiệp thị trấn P phân chia cho mỗi người 01 lô đất, trong đó ông bà được chia thửa đất số 05. Ngày 14/9/1994, ông D được giao thửa đất số 05, diện tích 0,66ha để trồng rừng theo Dự án PAM-4304, thời hạn 50 năm theo Quyết định số 410. Sau khi được chia giao đất vào năm 1993, ông bà cho vợ chồng ông Á trồng xen 07 hàng bạch đàn (khoảng 14m chiều ngang). Năm 1999, sau khi khai thác xong bạch đàn, ông Á và bà H tự thuê máy về đào gốc bạch đàn, cải tạo đất và tiếp tục canh tác, sử dụng cho đến năm 2006 thì xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất với ông bà. Vợ chồng ông Á đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ yêu cầu ông bà trả cho vợ chồng ông Á $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất trên. Ngày 22/3/2011, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ đã xét xử sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Á. Sau khi xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Á có đơn kháng cáo và tại cấp phúc thẩm, vợ chồng ông Á rút đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành quyết định huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án trên. Sau đó, vợ chồng ông Á tiếp tục làm đơn gửi UBND huyện P khiếu nại về việc UBND huyện P giao đất cho vợ chồng ông bà theo Quyết định số 410 và yêu cầu giao lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất. Ngày 09/10/2012, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6961 chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Á, phân chia thửa đất trên thành 02 phần. Ngày 24/11/2014, UBND huyện P ban hành Quyết định số 10103 về việc thu hồi Quyết định số 410.

Theo vợ chồng ông Á trình bày thì vào năm 1993, ông Nguyễn Tiến D2 ở thôn D, thị trấn P có thuê máy ủi của các ông Võ Thân L ở thôn D, thị trấn P san ủi khu vực sân bay D để trồng bạch đàn. Sau khi san ủi xong, ông D2 phân lô chia cho những hộ ở thôn D trồng cây như: N, Nguyễn Đình N1. Riêng vợ chồng ông D và ông bà nhận chung 01 lô đất có diện tích 0,66ha để trồng rừng có giới cận: Bắc giáp đất ông T1, Nam giáp đất ông N1, Đông giáp đất trồng (đất sân bay), Tây giáp ruộng; ông D2 thu tiền san ủi mặt mỗi hộ 200.000 đồng. Từ năm 1993-1999, vợ chồng ông D và ông bà cùng trồng

chung bạch đàn, cùng khai thác bán chia lợi nhuận $\frac{1}{2}$ số tiền. Năm 1999, ông bà và vợ chồng ông D đã thoả thuận chia mỗi bên sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất trên, ông bà sử dụng phần đất phía Nam (giáp đất ông Nguyễn Đình N1) và vợ chồng ông D sử dụng phần đất phía Bắc (giáp đất ông Nguyễn T1). Vào cuối năm 2006, ông bà trồng keo thì vợ chồng ông D ngăn cản, hai bên xảy ra tranh chấp. Ngày 08/7/2009, UBND huyện P có Quyết định số 3820 về việc thu hồi 940m² đất tại thửa đất số 05 để mở rộng Cụm C và vợ chồng ông D đã nhận tiền bồi thường. Khi xảy ra tranh chấp, ông bà mới biết được ông D đã tự kê khai đất và UBND huyện P đã giao thửa đất trên cho ông D theo Quyết định số 410, trong đó bao trùm lên diện tích đất ông bà sử dụng nên ông bà đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án và sau đó ông bà rút đơn khởi kiện và tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện P. Ngày 09/10/2012, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 6961 chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông bà, phân chia thửa đất trên thành 02 phần. Ngày 24/11/2014, UBND huyện P ban hành Quyết định số 10103 về việc thu hồi Quyết định số 410.

[2] Theo Quyết định số 410, ông D được giao thửa đất số 05, diện tích 0,66ha để trồng rừng theo Dự án PAM-4304, thời hạn 50 năm.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính*” thì Quyết định số 410 là một trong các loại giấy tờ làm căn cứ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại khoản 1 Điều 136 của Luật Đất đai năm 2003 quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết*”.

Căn cứ quy định trên thì tranh chấp giữa vợ chồng ông D với vợ chồng ông Á đối với thửa đất số 05 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do đó, Quyết định số 6961 ban hành không đúng quy định về thẩm quyền, thuộc trường hợp phải hủy quyết định. Quyết định số 6961 là căn cứ để ban hành Quyết định số 10103. Do Quyết định số 6961 ban hành không đúng quy định về thẩm quyền nên Quyết định số 10103 cũng được ban hành không đúng quy định, thuộc trường hợp phải hủy quyết định.

[3] Mặc dù ông D và bà T không kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện hủy Văn bản số 876 nhưng để giải quyết dứt điểm vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải hủy Văn bản số 876 vì văn bản trên có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 6961.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và bà T; hủy Quyết định số 6961, Văn bản số 876 và Quyết định số 10103. Trong trường hợp các bên có tranh

chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 05 thì Tòa án nhân dân sẽ là cơ quan có thẩm quyền giải quyết khi các bên có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông D và bà T thuộc trường hợp người cao tuổi. Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông D và bà T được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông D 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009660 ngày 14/10/2013 và biên lai số 0003998 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

Hoàn trả lại cho bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003999 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

[5] Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm về chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Các sai sót khác trong quá trình giải quyết vụ án đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ rút kinh nghiệm:

Trong quá trình xét xử, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ có những sai phạm sau đây, cần phải rút kinh nghiệm trong quá trình xét xử tiếp theo:

- Vi phạm nghiêm trọng thời hạn xét xử: Thụ lý ngày 14/10/2013, xét xử sơ thẩm ngày 27/12/2023, thụ lý hơn 10 năm mới đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên xử “*Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ D về việc huỷ Văn bản số 876*” là thiếu sót vì trong vụ án này, người khởi kiện là ông D và bà T.

- Biên bản nghị án chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 191 của Luật Tổ tụng hành chính:

“Khi nghị án, Hội đồng xét xử chỉ được căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghiên cứu, áp dụng án lệ hành chính (nếu có) liên quan để quyết định về các vấn đề sau đây:

- a) Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính hoặc việc thực hiện hành vi hành chính bị khởi kiện;*

- b) Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính hoặc việc thực hiện hành vi hành chính;*

c) Thời hiệu, thời hạn ban hành quyết định hành chính hoặc thực hiện hành vi hành chính;”

- Tại bản án sơ thẩm xác định ông D và bà T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm nhưng sau khi nhận đơn kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm lại ra thông báo cho ông bà nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông D và bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ quy định tại Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ D và bà Hồ Thị T. Sửa bản án sơ thẩm.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ D và bà Hồ Thị T.
3. Hủy Quyết định số 6961/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định; hủy Văn bản số 876/UBND-VP ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định và hủy Quyết định số 10103/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.
4. Về chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ 1.500.000 đồng. Ông Hồ D, bà Hồ Thị T phải chịu số tiền trên và đã nộp xong.
5. Về án phí:
 - 5.1. Ông Hồ D và bà Hồ Thị T được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.
 - 5.2. Hoàn trả lại cho ông Hồ D 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 009660 ngày 14/10/2013 và biên lai số 0003998 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

5.3. Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003999 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải